

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Kiều T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh K; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Cao Văn N trình bày: Ông và bà Trần Kiều T kết hôn năm 2016, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong cấp, vợ chồng chung sống được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện đã ly thân từ 2 năm nay. Nay ông xin ly hôn. Về con chung: có 01 con chung là Cao Khánh D, sinh ngày 2016, hiện ông N đang nuôi dưỡng, ông xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai, Bị đơn bà Trần Kiều T trình bày: Năm 2015 bà và ông N chung sống lại như vợ chồng do trước đó đã ly hôn. Năm 2017 thì vợ chồng bà đăng ký kết hôn, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay ông N xin ly hôn, bà thống nhất.

Về con chung: có 01 con chung là Cao Khánh D, sinh ngày 04/7/2016, hiện đang sống với bà, bà xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: có 01 nền nhà chiều ngang 5m, dài 25m, giá trị khoảng 212.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi, xin nhận căn nhà và giao cho ông N $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà. Về nợ chung: không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N do bà T đã thống nhất; Về con chung: giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa ông N cũng thống nhất giao con cho bà T nuôi, bà T không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà T. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn theo ông N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Về mâu thuẫn giữa ông bà được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, hiện đã ly thân, không còn chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy ông bà hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông N xin ly hôn, bà T thống nhất Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[3] *Về con chung:* có 1 người con chung là Cao Khánh D, sinh ngày 04/7/2016, hiện đang sống chung với bà T, qua xác minh thì hiện tại bà T đang nuôi con chung, cuộc sống được đảm bảo, bà T có thu nhập ổn định để nuôi cháu D. Tại phiên tòa ông N cũng thống nhất giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu D nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng:* Không yêu cầu nên không xem xét.

Ông N có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung:* Bà T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nền nhà trị giá 212.000.000 đồng nên đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà T.

[6] *Về nợ chung:* Không có.

[7] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003864 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Kiều T số tiền 2.650.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003941 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn N được ly hôn với bà Trần Kiều T.

2- Về con chung: Giao cháu Cao Khánh D, sinh ngày 04/7/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu D hiện đang sống chung với bà T).

Ông N có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét.

3- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung là nền nhà trị giá 212.000.000 đồng của bà T.

4- Về án phí sơ thẩm:

Ông N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003864 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Kiều T số tiền 2.650.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003941 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.

